

Bố cục toàn bài

A. Tổng quan về xóa đói giảm nghèo

I. Xóa đói giảm nghèo với an sinh xã hội

1. Đói nghèo và nguyên nhân của đói nghèo
2. Xóa đói giảm nghèo
3. Xóa đói giảm nghèo với an sinh xã hội

II. Nội dung chương trình xóa đói giảm nghèo

1. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập
2. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản
3. Mở rộng mạng lưới an sinh xã hội đến với người nghèo

III. Nguồn tài chính xóa đói giảm nghèo

B. Thực trạng công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam hiện nay

1. Các chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay.

- ✓ Chương trình 133_ Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1998-2000.
- ✓ Quyết định 135/1998/QĐ-TTg. Nghị định được biết đến rộng rãi với cái tên gọi “Chương trình 135_ chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi”.
- ✓ Chương trình 134 là tên thông dụng của Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn mà Chính phủ Việt Nam áp dụng từ năm 2004 .
- ✓ Chương trình hỗ trợ người nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP với tên gọi “Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo”.

2. Các nội dung xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam

- ✓ Về Kinh tế
- ✓ Về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.
- ✓ Về mạng lưới an sinh xã hội đến với người nghèo

3. Kết quả, thành tựu

C. Những hạn chế trong công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt nam và hướng giải pháp khắc phục.

1. Trong chính sách, đường lối
2. Trong công tác thực hiện

Phần nội dung

A. Tổng quan về xóa đói giảm nghèo

I. Xóa đói giảm nghèo với an sinh xã hội

1. Đói nghèo và nguyên nhân của đói nghèo:

a. Khái niệm

Theo nghĩa chung, đói nghèo là tình trạng thiếu hụt những điều kiện cần thiết để đảm bảo mức sống tối thiểu của một cá nhân hay cộng đồng dân cư.

Theo đó, đói nghèo là tình trạng thiếu hụt:

- Điều kiện vật chất như : thức ăn, nước uống, quần áo...
- Điều kiện về xã hội: chăm sóc sức khỏe, cung cấp thông tin, quan hệ cộng đồng...hay tự do tín ngưỡng, tôn giáo(trong xã hội phát triển)

Trên quan điểm quản lý vĩ mô khái niệm đói nghèo được sử dụng với 2 cấp độ: nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

Nghèo tuyệt đối gắn liền với tình trạng thiếu hụt các điều kiện cần thiết để đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng (gọi là đói), tiếp cận với các nhu cầu khác : chữa bệnh, học tập , đi lại(gọi là nghèo). Mỗi quốc gia hay các tổ chức quốc tế thường xây dựng ch mình những tiêu chuẩn riêng gọi là chuẩn nghèo. Chuẩn nghèo có sự khác nhau giữa các vùng, địa phương và thay đổi theo thời gian.

Nghèo tương đối gắn liền với tình trạng một cá nhân hay một bộ phận dân cư có thu nhập thấp hơn thu nhập trung bình của các thành viên khác trong xã hội. Với khái niệm này thì nghèo tương đối trực tiếp phản ánh bất bình đẳng về thu nhập giữa các thành viên trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế làm tăng mức sống của người dân nói chung nhưng cùng với đó là tăng khoảng cách thu nhập giữa các thành viên trong xã hội. ngoài ra khái niệm nghèo tương đối không chỉ dừng lại ở thu nhập thấp mà còn bao gồm nhiều khía cạnh khác: thiếu cơ hội tạo thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng trong lúc gặp khó khăn, ít được tham gia vào quá trình ra quyết định....

b. Nguyên nhân đói nghèo:

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo của người dân bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan

Nguyên nhân khách quan: sự bất lợi của điều kiện tự nhiên ở một số vùng miền; do sự kiện bất thường trong cuộc sống như ốm đau, bệnh tật, tai nạn, do mặt trái của kinh tế thị trường

Nguyên nhân mang tính chủ quan: trình độ văn hóa thấp, gia đình đông con, tập tục lạc hậu, lười biếng lao động...

2. Xóa đói giảm nghèo

Đói nghèo không chỉ là vấn đề riêng của người rơi vào cảnh đói nghèo, mà còn là một vấn đề xã hội lớn, cần tới sự quan tâm của xã hội, bởi đói nghèo có thể gây ra có thể gây ra những tác động tiêu cực cả về mặt kinh tế xã hội sâu sắc: đói nghèo gây suy thoái kinh tế, gia tăng tội phạm xã hội, tăng dịch bệnh do không đủ sức khỏe chống chọi với bệnh tật.....Những hậu quả này còn có tính chất xoáy ốc làm cho người nghèo càng nghèo hơn.

Chính vì vậy xóa đói giảm nghèo là mục tiêu quan trọng của bất kì quốc gia nào nhằm hướng tới phát triển xã hội công bằng, văn minh. Đó là tổng thể các biện pháp của Nhà nước và xã hội, của chính những đối tượng thuộc diện đói nghèo nhằm tạo ra các điều kiện để họ tăng thêm thu nhập, thoát khỏi tình trạng thu nhập không đáp ứng được nhu cầu tối thiểu trên cơ sở các chuẩn nghèo được quy định theo từng địa phương và từng giai đoạn. Như vậy xóa đói giảm nghèo, một mặt là sự can thiệp của nhà nước và xã hội, mặt khác là sự tự vận động của chính những đối tượng thuộc diện đói nghèo. Trong đó sự giúp đỡ của Nhà nước là quan trọng nhưng chỉ mang tính chất tạo lập môi trường và hỗ trợ, sự tự vươn lên của các đối tượng thuộc diện đói nghèo mới mang tính chất quyết định. Đồng thời mục tiêu xóa đói giảm nghèo (liên quan đến nghèo tuyệt đối) có thể thực hiện được vì có thể tạo ra được những điều kiện để người đói có thu nhập đáp ứng những nhu cầu dinh dưỡng. trong khi đó nghèo tương đối chỉ có thể giảm mà không xóa bỏ được hoàn toàn, bởi vì khoảng cách về thu nhập là một tồn tại tất yếu của xã hội, vấn đề là khoảng cách rộng hay hẹp mà thôi.

3. Xóa đói giảm nghèo với an sinh xã hội

Mục đích của an sinh xã hội là tạo ra các tấm lưới bảo vệ cho các thành viên xã hội, vai trò của xóa đói giảm nghèo đối với an sinh xã hội được thể hiện ở những nội dung sau:

Xóa đói giảm nghèo là một trong những phần quan trọng nằm trong chính sách an sinh xã hội của mỗi quốc gia. Cùng với BHXH, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, các chương trình xóa đói giảm nghèo tạo ra tấm lưới toàn diện bảo vệ cho các thành viên xã hội. Nếu như đối tượng của BHXH là người lao động, cứu trợ xã hội là những người khó khăn và bị tổn thương trong cuộc

sống, ưu đãi xã hội hướng tới những người có công với đất nước thì xóa đói giảm nghèo hướng tới một diện bảo vệ quan trọng dễ bị tổn thương trong cuộc sống đó là những người nghèo.

Xóa đói giảm nghèo góp phần bảo đảm ASXH một cách lâu dài và bền vững giúp người nghèo thoát nghèo vươn lên tự đảm bảo cuộc sống của mình góp phần tạo ra mạng lưới an sinh toàn diện cho mỗi quốc gia.

Xóa đói giảm nghèo xét về lâu dài góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội thông qua việc thu hẹp đối tượng cần trợ cấp của an sinh xã hội.

Xóa đói giảm nghèo tạo điều kiện cho chính sách an sinh xã hội tăng chất lượng hoạt động thông qua tăng mức trợ cấp cho an sinh xã hội.

II. Nội dung chương trình xóa đói giảm nghèo:

Nội dung xóa đói giảm nghèo xét trên giác độ là các vấn đề can thiệp bao gồm nhiều biện pháp được sử dụng. Các biện pháp này có thể chia thành 3 nhóm chính: nhóm các biện pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập; nhóm các biện pháp tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; nhóm các biện pháp mở rộng mạng lưới an sinh xã hội đến người nghèo.

1. Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập:

Tín dụng ưu đãi cho người nghèo: Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến nghèo đói là thiếu vốn sản xuất. Vì vậy Nhà nước cấp tín dụng ưu đãi cho người nghèo có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo điều kiện giúp họ thoát nghèo, mua sắm thêm các phương tiện sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất, thay đổi phương thức sản xuất có năng suất lao động cao hơn.

Hỗ trợ đất sản xuất: Chương trình này thường được thực hiện ở các nước nông nghiệp và đối tượng chủ yếu là nông dân.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu: Các điều kiện về cơ sở hạ tầng như đường sá, trường học, bệnh viện, công trình thủy lợi có ảnh hưởng sâu sắc đến công tác xóa đói giảm nghèo; đặc biệt ở các vùng nông thôn.

Chương trình khuyến nông lâm ngư: các dịch vụ khuyến nông nhằm tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận thông tin, kỹ thuật sản xuất, và phát triển thị trường. Vì vậy đây là biện pháp quan trọng để thực hiện xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, đặc biệt là ở các nước SX nông nghiệp là chủ yếu như Việt Nam.

Các chương trình hỗ trợ khác: tùy theo từng điều kiện cụ thể mà mỗi nước còn có những chương trình hỗ trợ khác. Ở Việt Nam, chúng ta có dự án Hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề. Dự án xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và các hộ nghèo phát triển vùng nguyên liệu.

2. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, giáo dục cơ sở, nước sạch, điều kiện vệ sinh, nhà ở... là những dịch vụ mà người nghèo có khả năng tiếp cận nếu họ phải trả đầy đủ các khoản phí. Chính vì vậy ở các nước có liên quan đến cung cấp các dịch vụ cơ bản này, nhìn chung người nghèo là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất. Ngay cả ở các nước có khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng thông qua điều tiết hay trợ cấp.

Hỗ trợ về y tế cho người nghèo là một chính sách quan trọng nhằm giúp người có điều kiện được khám chữa bệnh. Có một thực tế là người nghèo cảm thấy họ ít khi ốm, nhưng khi ốm tình trạng của họ lại rất nghiêm trọng, đòi hỏi những chi phí khám chữa bệnh lớn trong khi thu nhập của họ lại rất hạn chế.

Hỗ trợ người nghèo về giáo dục: giáo dục là một biện pháp quan trọng để giúp người nghèo thoát nghèo thông qua việc nâng cao trình độ dân trí và hiểu biết. Tuy nhiên, do hạn chế về thu nhập mà các gia đình nghèo không đủ tiền cho con ăn học, và càng khó khăn hơn khi các gia đình nghèo thường đông con. Chi phí cơ hội của việc cho trẻ đến trường cũng là một nguyên nhân khá quan trọng. Đối với nhiều hộ gia đình lao động của con trẻ có giá trị hơn nhiều so với việc để chúng đến trường. Lợi ích dài hạn của giáo dục không thể bù đắp được những tổn thất về thu nhập trong ngắn hạn. Vì thế nhiều trẻ đã không được đi học hoặc không hoàn thành bậc học cơ sở. Do đó các chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo như miễn giảm học phí, cung cấp sách vở học tập, xây dựng trường lớp và các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật khác...

Hỗ trợ người nghèo về nhà ở: Chi phí về nhà ở là một trong những chi phí lớn đối với người dân nói chung. Vì vậy đối với người nghèo hỗ trợ của Nhà nước và xã hội về nhà ở là rất cần thiết, đặc biệt ở các nước phát triển khi đất đai thường rất đắt đỏ. Nhìn chung ở các nước đều có chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở giá rẻ, nhà cho người vô gia cư....

Hỗ trợ các dịch vụ về nước sạch và vệ sinh: hiện nay ở các nước các dịch vụ về nước và vệ sinh môi trường đều do Nhà nước cung cấp, hoặc do tư nhân làm thì cũng có sự điều tiết và hỗ

trợ của Nhà nước, để đảm bảo mức giá hợp lý và thường là thấp cho người nghèo. Ngoài ra còn là hỗ trợ và tư vấn xây dựng vệ sinh, cung ứng nước sạch cho những vùng hạn hán....

3. Mở rộng mạng lưới an sinh xã hội đến với người nghèo

Chính sách BHXH nhìn chung được các nước thực hiện khá hoàn thiện với đối tượng là người lao động hưởng lương (đối tượng này có quan hệ hợp đồng dài hạn có sự tham gia của chủ sở hữu lao động tham gia đóng góp vào BHXH). Còn đối với đối tượng là nông dân và người hoạt động tự do chính sách này chưa thực sự phù hợp.

Xóa đói giảm nghèo không chỉ đơn thuần là tạo ra cơ hội để người nghèo thoát nghèo, một phần quan trọng không kém là ngăn cho những người hiện đang không nghèo khỏi bị rơi vào cảnh nghèo. Đó là những người có thu nhập cận nghèo hoặc thu nhập chưa đủ cao để bị tổn thương trong cuộc sống. Vì vậy các quỹ an sinh xã hội giúp đỡ họ khi khó khăn là cần thiết.

III. Nguồn tài chính xóa đói giảm nghèo

Xóa đói giảm nghèo để đạt tới một xã hội công bằng, văn minh là một chương trình lớn của xã hội, đồng thời không chỉ bó hẹp trong một quốc gia mà còn mang phạm vi quốc tế. Để thực hiện thành công chương trình này, đòi hỏi nguồn tài chính là rất lớn phải có sự huy động tổng lực các nguồn lực xã hội. Nguồn tài chính thông thường bao gồm:

Ngân sách Nhà nước(bao gồm cả TƯ và địa phương): đây là 1 trong những can thiệp quan trọng của nhà nước nhằm làm giảm vấn đề bất cập của kinh tế thị trường là sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo công bằng....

Huy động cộng đồng: nguồn tài chính này có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Nó thể hiện tính cộng đồng, tương thân tương ái giữa các thành viên trong xã hội. Ở nước ta, cá chương trình “ Thắt lưng buộc bụng”, “ngày vì người nghèo”....thu hút rất đông các tổ chức, cá nhân đóng góp, ủng hộ tiền bạc, vật dụng,...

Huy động quốc tế: trong nền kinh tế “toàn cầu hóa” xóa đói giảm nghèo không chỉ là vấn đề của nước nghèo mà là nhiệm vụ chung của toàn thế giới. Vì thế nguồn trợ cấp của các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ ngày càng lớn và đóng vai trò quan trọng.

Vốn tín dụng: là các khoản vay tín dụng ưu đãi cho người nghèo, giúp đỡ họ có vốn đầu tư sản xuất, có điều kiện nâng cao thu nhập.

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia mà các nguồn tài chính được phân bổ và sử dụng sao cho hợp lý. Vốn tư ngân sách và tín dụng là 2 nguồn chính cho công cuộc xóa đói giảm

nghèo. Nhưng đối với những nước nghèo thì nguồn này lại dựa chủ yếu vào huy động quốc tế. Trong cuộc chiến chống đói nghèo nói chung, các nước phát triển đóng vai trò quan trọng. Ngày nay phần lớn các nước phát triển đều có các chương trình “trợ giúp phát triển” cho các nước đang phát triển và mục tiêu của LHQ là đạt 0.7%GDP của các nước.

B. Thực trạng công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam hiện nay

Theo số liệu thông kê của chương trình phát triển LHQ vào năm 2002, tỷ lệ nghèo theo chuẩn quốc gia của Việt Nam là 12.9%, theo chuẩn thế giới là 29%. Vào đầu thập niên năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã phát động chương trình xóa đói giảm nghèo theo lời kêu gọi của Ngân hàng thế giới. Do đặc thù riêng của Việt Nam, việc xác định diện đói nghèo ở nước ta được chia thành hộ đói và hộ nghèo, theo từng vùng và thay đổi theo các giai đoạn (*bảng 5.2 SGK*). Theo mức chuẩn nghèo năm 2004, Tổng cục thống kê Việt Nam đã đưa ra bảng số liệu về thực trạng nghèo đói ở Việt Nam năm 2004 (*bảng 5.3 SGK*). Ngày 30/01/2011, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo mới, áp dụng cho giai đoạn 2011-2015. Theo đó, hộ nghèo ở nông thôn có mức thu nhập bình quân từ 400 nghìn đồng/người/tháng trở xuống; hộ nghèo ở thành thị có mức thu nhập bình quân từ 500 nghìn đồng/người/tháng trở xuống. Hộ cận nghèo ở nông thôn có mức thu nhập bình quân từ 401-520 nghìn đồng/người/tháng; hộ cận nghèo ở thành thị có mức thu nhập bình quân từ 501-650 nghìn đồng/người/tháng. Mức chuẩn nghèo trên là căn cứ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội. Tình trạng đói nghèo ở Việt Nam phân bố không đều giữa các vùng, miền.

1. Các chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay.

Xóa đói giảm nghèo là 1 trong 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ được Liên Hợp Quốc đưa ra vào tháng 9/2000. Việt Nam là một quốc gia hưởng ứng phong trào xóa đói giảm nghèo mạnh mẽ. Ngay từ đầu, Đảng và nhà nước ta đã coi Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, nhà nước và là sự nghiệp toàn dân. Các chương trình xóa đói giảm nghèo được đưa ra như “ Chương trình 133_ Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo giai đoạn 1998-2000. Nội dung chính của chương trình 133 là:

- + Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng(không kể nước sạch nông thôn) và sắp xếp lại dân cư.

- + Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề.

- + Dự án tín dụng đối với người nghèo.
- + Dự án hỗ trợ giáo dục.
- + Dự án hỗ trợ về y tế.
- + Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến nông-lâm-ngư.
- + Dự án nâng cao đội ngũ cán bộ công tác hỗ trợ xóa đói giảm nghèo.
- + Dự án định canh, định cư, di dân đến vùng kinh tế mới.
- + Dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

(Có file kèm theo)

Ngoài ra, Chính phủ còn ra Quyết định 135/1998/QĐ-TTg.Nghị định được biết đến rộng rãi với cái tên gọi “Chương trình 135_chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi”. Chương trình gồm hai giai đoạn: Giai đoạn I (1997-2006), giai đoạn II (2006-2010). Nội dung chính của Chương trình 135 là:

- + Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất cho đồng bào dân tộc. Đào tạo các cán bộ khuyến nông, lâm, ngư. Phát triển sản xuất: kinh tế rừng, cây trồng có năng suất cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm có giá trị.
- + Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Làm đường dân sinh từ thôn, bản lên trung tâm xã. Xây dựng kiên cố hóa các công trình thủy lợi...
- + Hỗ trợ các dịch vụ, nâng cao chất lượng giáo dục, đời sống nhân dân hợp vệ sinh giảm thiểu tác hại môi trường đến sức khỏe của người dân. Tiếp cận các dịch vụ y tế, Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cộng đồng...
- + Đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở, kiến thức kỹ năng quản lý điều hành xã hội, nâng cao năng lực cộng đồng. Đào tạo nghề cho thanh niên 16 - 25 tuổi làm việc tại các nông lâm trường, công trường và xuất khẩu lao động. (có file kèm theo)

Tiếp đó là Chương trình 134 là tên thông dụng của Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn mà Chính phủ Việt Nam áp dụng từ năm 2004 nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ xóa nghèo cho các hộ dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Sở dĩ gọi là Chương trình 134 vì số hiệu của Quyết định của Thủ tướng chính phủ Việt Nam phê duyệt chương trình này là 134/2004/QĐ-TTg.(có file kèm theo).

Gần đây là Chương trình hỗ trợ người nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, được Thủ tướng ký duyệt ngày 27/12/2008, tên gọi đầy đủ là Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền

vững đối với 61 huyện nghèo. Chương trình được biết đến với 4 nhóm mục tiêu mà Chính phủ đề ra:

- + Hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập (bao gồm cả đưa người lao động ở huyện nghèo đi lao động ở nước ngoài.

- + Đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí.

- + Bổ sung nguồn lực con người ở các cấp quản lý và các tổ công tác.

- + Đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả cấp thôn/bản, xã, huyện. *(có file kèm theo)*

Nội dung các chương trình xóa đói giảm nghèo xét trên giác độ các vấn đề can thiệp bao gồm nhiều biện pháp được sử dụng như: hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ đất đai sản xuất và nhà ở, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ y tế và giáo dục... Các biện pháp này được chia làm 3 nhóm chính: Nhóm các biện pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập; nhóm các biện pháp tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; và nhóm các biện pháp mở rộng mạng lưới ASXH đến với người nghèo.

Về Kinh tế, nhà nước tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập:

Tín dụng ưu đãi: nhà nước cấp tín dụng ưu đãi cho người nghèo để họ mua sắm thêm phương tiện sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất, thay đổi phương thức sản xuất có năng suất cao. Chính sách tín dụng ưu đãi được quy định tại ND số 78/2002/ND-CP (*có file kèm theo*). Trong 4 năm (2001-2005), Việt Nam đã có 3,75 triệu lượt hộ nghèo được cho vay vốn ưu đãi, mức cho vay bình quân một hộ từ 2,2 triệu đồng (2001) lên 3 triệu đồng (2004). Theo đánh giá, có khoảng 75% hộ nghèo được vay vốn, chiếm 15,8% số hộ trong cả nước.

Hỗ trợ đất sản xuất: Nhà nước hỗ trợ người nghèo khai hoang ruộng bậc thang để đảm bảo lương thực tại chỗ. ở Tây Bắc, hỗ trợ 5.139 ha đất cho 10.455 hộ ở Tây Nguyên, cho 4.325 hộ nghèo ở Nam Bộ.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như đường sá, trường học, trạm bơm nước, công trình thủy lợi... Trong những năm qua, nước ta đã đầu tư hơn 1000 công trình cơ sở hạ tầng chính sách thiết yếu cho 997 xã nghèo với 776 tỷ đồng. Năm 2004, tại Hội nghị các nhà tài trợ Việt Nam, ước tính cứ 1 tỷ đồng cho đường nông thôn thì có 867 người sẽ thoát nghèo.

Chương trình khuyến nông lâm ngư: hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, mở lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật.

Các chương trình hỗ trợ khác như Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, phát triển ngành nghề như mây tre đan, gốm, chế biến nông lâm sản... Trong 5 năm (2000-2004) đã xây dựng 103 mô hình về

bảo quản, chế biến nông lâm sản và phát triển ngành nghề nông thôn, giúp người dân có việc làm và ổn định thu nhập bình quân 250.000đồng/người/tháng. Dự án xây dựng mô hình liên kết doanh nghiệp và các hộ nghèo phát triển vùng nguyên liệu: kết quả thu nhập hàng năm của các hộ tham gia dự án tăng 16%-19%, khoảng 20% số hộ nghèo tham gia dự án thoát nghèo. Ngoài ra, chúng ta còn có các dự án khác như: các dự án định canh định cư ở các xã nghèo, ổn định dân di cư và xây dựng các vùng kinh tế mới..

Về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Hỗ trợ về y tế cho người nghèo: Do hạn chế về thu nhập nên họ không thể chi trả được các chi phí khám bệnh. Chính vì vậy, ngày 15/10/2002 Thủ Tướng Chính phủ đã quyết định số 139/2002/QĐ-TTg (có file kèm theo) về việc thành lập Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo(có file kèm theo), đến hết năm 2004 có 3,9 triệu người nghèo được cấp thẻ BHYT và 4,5 triệu người được cấp giấy khám chữa bệnh miễn phí, 14 triệu lượt người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí trong giai đoạn 2002-2004.

Hỗ trợ về giáo dục: Nâng cao nhận thức là một trong những biện pháp quan trọng để giúp người nghèo thoát nghèo. Tuy nhiên, do hạn chế về thu nhập, không đủ tiền cho con cái ăn học hay cuộc sống gia đình khó khăn. Vì vậy trẻ không được đi học hoặc đi học không đều, không hoàn thành. Do đó, chính sách về hỗ trợ giáo dục cho người nghèo như miễn giảm học phí (*Nghị định 49/2010*), cung cấp sách vở học tập, xây dựng trường lớp và các điều kiện cơ sở vật chất khác.. là rất quan trọng. Ở Việt Nam, mỗi năm có trên 3 triệu lượt học sinh nghèo và dân tộc được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu lượt học sinh nghèo được cấp, mượn sách giáo khoa, và hỗ trợ vở viết với tổng chi phí trên 100 triệu đồng. Tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi tăng 11%...

Hỗ trợ người nghèo về nhà ở: Ở Việt Nam, tính đến hết tháng 12/2004, cả nước đã hỗ trợ cho 293.137 hộ nghèo về nhà ở với tổng kinh phí trên 1.198 tỷ đồng. Đến hết năm 2005, cả nước hỗ trợ là mới và sửa chữa được khoảng 350.000 căn nhà. Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, sau hai năm triển khai thực hiện, chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg (có file kèm theo), đến nay đã có trên 310,000 hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở, đạt 61% so với số hộ cần hỗ trợ của toàn Chương trình.

Hỗ trợ các dịch vụ nước sạch và vệ sinh: Các dịch vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường đều được đảm bảo mức giá hợp lý và thường thấp cho người dân nói chung , trong đó có đối

tượng người nghèo. Trong một số trường hợp các hộ nghèo có thể có những hỗ trợ thêm như: hỗ trợ và tư vấn nhà vệ sinh, cung cấp nước sạch cho những vùng khô hạn...

Về mạng lưới an sinh xã hội đến với người nghèo:

Các chế độ BHXH được dành cho người nghèo thông thường là: Bảo hiểm y tế, trợ cấp hưu trí, và trợ cấp phá thai. Ở Việt Nam, việc cấp thẻ BHYT miễn phí cho người nghèo cũng là một cách để mở rộng chính sách BHXH đến người nghèo. Hiện nay chúng ta đang thực hiện triển khai thí điểm BHXH tự nguyện, mà trước hết là chế độ trợ cấp hưu trí cho nông dân và lao động tự do, chương trình này được triển khai vào ngày 01/01/2008. Nhằm tạo điều kiện và cải thiện việc tiếp cận dịch vụ y tế DVYT cho người nghèo, năm 2002 Chính phủ đã ban hành Quyết định 139/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Đến năm 2008, Quốc hội đã thông qua Luật bảo hiểm y tế (số 25/2008/QH12), trong đó quy định người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc diện được ngân sách Nhà nước chi trả tiền mua thẻ BHYT

UBND Hà Nội vừa ban hành kế hoạch thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo trên địa bàn Hà Nội. Theo kế hoạch, năm 2011, Hà Nội sẽ cấp thẻ BHYT miễn phí cho gần 60.000 người nghèo. Đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, bệnh nhân phong và người dân cho các xã 135. Theo ông Nguyễn Minh Thảo, phó Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho biết, dự kiến năm 2011, ngân sách Nhà nước sẽ dành khoảng 4.500 tỷ đồng hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người cận nghèo và cấp thẻ BHYT cho người nghèo. Bảo hiểm xã hội Việt nam cũng đã kiến nghị lên Bộ Tài chính và UBND các Tỉnh, Thành phố bảo đảm nguồn cung cấp kinh phí cấp thẻ BHYT cho người nghèo từ ngày 01/01/2011 đến hết tháng 12/2011. Đối với thẻ BHYT của người tham gia thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số phát hành từ ngày 01/01/2011 trở đi sẽ chỉ ghi thời hạn đến hết ngày 31/12 của năm cấp thẻ. Những bệnh nhân thuộc diện hộ nghèo và có thẻ người nghèo sẽ được trả lại số tiền mà họ tự chi trả khi họ đi khám chữa bệnh trong khi chưa nhận thẻ bảo hiểm y tế.

Kết quả, thành tựu đạt được và nhữn hạn chế trong việc triển khai các chương trình xóa đói giảm nghèo đem lại: Trong những năm qua, cùng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước, nhiều chính sách xóa đói giảm nghèo đã được triển khai và giành được nhiều kết quả rất quan trọng, thành tựu xóa đói giảm nghèo đã góp phần tăng trưởng kinh

tế, thực hiện công bằng xã hội. Năm 2010, Chương trình 135 giai đoạn II kết thúc các mục tiêu cơ bản đã đạt được: giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 30% và tăng thu nhập lên trên 3,5 triệu đồng/ hộ/ năm. Tuy nhiên, thực tế kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa của nước ta hiện còn rất nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển hàng hoá, công nghiệp. Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được nhựa hoá, bê tông xi măng chưa cao, mới đạt 19%, bằng hơn 60% chỉ tiêu đặt ra trong chiến lược toàn diện về xoá đói giảm nghèo.

C. Những hạn chế trong công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt nam và hướng giải pháp khắc phục.

Trong chính sách, đường lối

- Việc điều chỉnh thời gian áp dụng các chuẩn nghèo theo cách làm trước đây 5 năm một lần là không hợp lí. Vì khoảng thời gian 5 năm là khá dài gây thiếu nhạy bén với những chuyển biến của thị trường và xã hội. Từ năm 2011, mức chuẩn nghèo sẽ được điều chỉnh hàng năm tùy thuộc vào thực tế chi phí cho các nhu cầu tối thiểu của người dân, giúp cho con số hộ nghèo được phản ánh đúng thực tế và chính xác nhất. Đây là một thay đổi hợp lí trong chính sách.

- Năm 2011, việc nâng mức chuẩn nghèo lên 400.000VNĐ/người/tháng ở nông thôn và 500.000VNĐ/người/tháng ở đô thị so với mức chuẩn nghèo cũ là 200.000VNĐ/người/tháng ở nông thôn và 260000VNĐ/người/tháng ở đô thị đã khiến số hộ nghèo tăng từ gần 2 triệu vào cuối năm 2010 lên con số 3.044.566 hộ nghèo và số hộ cận nghèo là 1.612.181. Với số lượng tăng lớn như vậy sẽ là sức ép rất lớn cho công tác xoá đói giảm nghèo. Vì thế cần điều chỉnh mức chuẩn nghèo hàng năm, tỉ lệ điều chỉnh phù hợp để không khiến nhiều người bị bất ngờ rơi xuống “hố nghèo”.

- Nhiều chính sách bộc lộ sự dàn trải, chồng chéo. Một mục tiêu mà nhiều chương trình dẫn đến chồng chéo, không hiệu quả, khó đánh giá kết quả. Nhà nước cần có hướng giải quyết tập trung, triệt để.

- Nhằm can thiệp vào tình hình giá cả, trợ giúp người dân đang gặp nhiều khó khăn, nhà nước sẽ hỗ trợ 250.000 đồng/ tháng cho những người có hệ số lương (lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc hiện hưởng) từ 3,0 trở xuống; cán bộ, viên chức, công chức, (bao gồm cả công chức trong thời gian tập sự) thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước; người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội từ 2,19 triệu đồng/tháng trở xuống; người được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, cán bộ xã phường thị trấn đang hưởng lương hưu và trợ cấp hàng

tháng; người có công với cách mạng hưởng trợ cấp thường xuyên cũng được hưởng mức hỗ trợ 250.000 đồng/ tháng. Riêng những người hưởng trợ cấp tuất (bao gồm cả đối tượng hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội và trợ cấp tuất đối với người có công) được hỗ trợ 100.000 đồng/ tháng. Theo tính toán của bộ Tài chính, sẽ có khoảng 21 triệu người đang gặp khó khăn sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ của người nghèo lần này. Tuy nhiên, chuyên gia kinh tế Nguyễn Minh Phong lo ngại: Chính sách này sẽ dễ bị lạm dụng khi khai báo sổ sách. Nếu giấy tờ không minh bạch, việc kiểm tra, xác thực thông tin không chính xác, tiền sẽ vẫn vào tay những người giàu hoặc có chức, có quyền, trong khi đó, những người nghèo cần giúp đỡ lại vẫn “trắng tay”. Tại các nước trên thế giới, các cơ quan chức năng hay các đơn vị kinh doanh, sản xuất đều quản lý, kiểm tra sổ sách rất chặt chẽ. Phụ thuộc vào thông số ghi đầy đủ, chi tiết trên giấy tờ, đối chiếu với sổ lương, họ có thể nắm bắt được thu nhập chính xác của từng hộ, từng gia đình, từng cá nhân cụ thể, từ đó có những chính sách an sinh xã hội phù hợp và đúng đắn. Để thực hiện hiệu quả chính sách này cần phải thực hiện công tác quản lý tốt, tránh tiêu cực, tham nhũng.

- Trong một số chính sách vẫn còn nhiều bất cập

Ví dụ: tín dụng ưu đãi cho người nghèo.

Qua đợt khảo sát mới đây của Ngân hàng CSXH, đánh giá sơ bộ cho thấy hiện có trên 80% hộ gia đình có thu nhập dưới 10 triệu đồng/người/năm (tương đương 800.000 đồng/người/tháng). Nếu gia đình này có 1 con đi học ở thành phố thì chi phí tối thiểu khoảng 2,5 triệu đồng/tháng. Nếu một gia đình có 4 người thì tổng thu nhập cả hộ là khoảng 3,2 triệu đồng/tháng, vậy 3 người ở nhà chỉ còn 700 nghìn đồng phục vụ chi tiêu trong tháng. Vì vậy nếu 2 con đi học thì kể cả hộ gia đình kinh tế khá giả cũng khó khăn. Hiện nay cả nước có khoảng 218 nghìn hộ gia đình được vay vốn có từ 2 con đi học trở lên với khoảng 473 nghìn HSSV đang học. Các gia đình này rất muốn được hưởng chính sách tín dụng HSSV với mức độ ưu đãi cao hơn, lãi suất thấp hơn mức hiện hành. Vì thế cần phải nghiên cứu để có những chính sách hỗ trợ phù hợp cho những hộ gia đình này.

Có thể nói mỗi chính sách đưa ra sẽ đều có những mặt hạn chế nhất định các nhà hoạch định cần có những nghiên cứu sâu hơn về các vấn đề này để đưa ra giải pháp hợp lý.

Trong công tác thực hiện.

Về mặt nhận thức, trong xã hội cho rằng xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ của nhà nước, các doanh nghiệp tham gia với tư cách được giao nhiệm vụ thực hiện phần đầu tư xây dựng cơ bản và

những khoản tiền được hỗ trợ nhiệm vụ phục vụ vùng dự án, dân chúng hy vọng vào trải trợ của nhà nước là cơ bản.

Mô hình đó, tư duy đó mang nặng dấu ấn của cơ chế hành chính tập trung bao cấp, sử dụng biện pháp tác động trực tiếp nhiều hơn gián tiếp, chưa phát huy được sức mạnh nội lực của nền kinh tế tiềm ẩn ở tiềm năng, thế mạnh tài nguyên, sức dân của vùng dự án và khả năng sẵn có của hệ thống doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, hệ thống thông tin báo cáo cập nhật không thường xuyên tiến độ dự án, tiến trình công tác, thậm chí không đánh giá được số các dự án của các NGO và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia, khả năng trùng lặp rất lớn, đồng thời bỏ sót đối tượng do không lồng ghép, do đề xuất từ địa phương vẫn thiếu căn cứ.

Sau khi thống nhất với Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đề xuất phương án điều chỉnh chuẩn nghèo theo phương án: Chuẩn nghèo điều chỉnh giá năm 2008 sẽ bằng chuẩn nghèo hiện nay cộng với chỉ số giá CPI trong 2 năm 2007-2008 (khi xây dựng đã ước tính chỉ số năm 2006 là 6,5%); nếu cập nhật giá, giá trị chuẩn nghèo sẽ tăng khoảng 40-45% so với chuẩn nghèo hiện tại.

Theo đề xuất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Phương án 1: Chuẩn nghèo được cập nhật chỉ số CPI năm 2007 (12,63%) và năm 2008 (dự kiến là 24,5%). Do vậy chuẩn nghèo được cập nhật chỉ số CPI năm 2007 (12,63%) và năm 2008 (dự kiến là 24,5%). Chuẩn nghèo được tính ở 2 khu vực: Nông thôn-những hộ có mức thu nhập bình quân từ 270.000 đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo.

Khu vực thành thị: Những hộ có mức thu nhập bình quân từ 360.000 đồng/ người/tháng trở xuống là hộ nghèo. Theo phương án này, dự báo tỷ lệ hộ nghèo của cả nước đến cuối năm 2008 khoảng 15-16%, tương ứng với 2,9-3,1 triệu hộ.

Phương án 2, chuẩn nghèo được cập nhật theo chỉ số CPI năm 2007 (12,63%) và năm 2008 (dự kiến là 27,5%).

Theo đó chuẩn nghèo cụ thể như sau: Khu vực nông thôn: Những hộ có mức thu nhập bình quân từ 300.000 đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo. Đối với khu vực thành thị, những hộ có mức thu nhập bình quân từ 390.000 đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo. Theo phương án này, dự báo tỷ lệ hộ nghèo cả nước đến cuối năm 2008 khoảng 16,5-17,5%, tương ứng với 3,2-3,4 triệu hộ.

Tuy nhiên, một quan chức của Cục Bảo trợ xã hội cho biết: “Tổng cục Thống kê còn đề xuất phương án cao hơn là 310.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn; 390.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị.

Vấn đề phân loại và đánh giá các mô hình giảm nghèo ở nước ta hiện nay Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, xoá đói giảm nghèo đã thực sự trở thành sự nghiệp cách mạng cao quý của toàn dân, được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện.

Qua đó, đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình xoá đói giảm nghèo có hiệu quả trong cả nước cũng như từng địa phương. Tuy vậy, cho đến nay nhiều địa phương đã và vẫn đang trăn trở làm sao để tìm ra hướng đi, mô hình giảm nghèo bền vững, phù hợp với người dân trên địa bàn. Một trong những bài học rút ra từ thực tiễn thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo, đó là: Trên cơ sở chủ trương của Đảng và chỉ đạo Nhà nước, từng địa phương, từng hộ nghèo phải căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của mình để có những giải pháp cụ thể trong tổ chức thực hiện, có như vậy, kết quả xoá đói giảm nghèo đạt được mới vững chắc. Cùng với đó, đối với từng vùng, từng khu vực, cần phải căn cứ vào đặc điểm, tiềm năng thế mạnh tự nhiên và định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương để tổ chức và nhân rộng những mô hình, cách làm hay trên cơ sở bám vào những nguyên nhân nghèo đói trực tiếp tại địa bàn. Sau đây, xin giới thiệu một số loại mô hình giảm nghèo chung mang tính tổng quát, đồng thời đưa ra một số gợi ý trong việc tìm ra mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện ở một số vùng đặc thù để bạn đọc tham khảo.

Một số loại mô hình xoá đói giảm nghèo phổ biến

_Các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội đã được các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức đoàn thể lồng ghép để xây dựng mô hình giảm nghèo như: thực hiện dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, đã xây dựng nhiều mô hình về chuyển giao khoa học kỹ thuật về giống, quy trình chăm sóc bảo vệ cây trồng vật nuôi. Dự án hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề đã hình thành mô hình về bảo quản, chế biến nông lâm hải thủy sản; phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn theo quy mô hộ và nhóm hộ. Những xã xây dựng được mô hình giảm nghèo đã có tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 4-5%/năm, đặc biệt xã có mô hình liên kết với doanh nghiệp

phát triển vùng nguyên liệu thì tỷ lệ giảm hộ nghèo cao từ 8-10% năm, mô hình XDGN vùng đặc thù giảm từ 6- 8%/năm.

Đối với các tổ chức hội, đoàn thể, phải kể đến Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Trong những năm qua, MTTQ các cấp đã phát động cuộc vận động “ngày vì người nghèo” trên phạm vi toàn quốc. Nội dung cuộc vận động được thực hiện đa dạng, giúp người nghèo ngày công, kinh nghiệm sản xuất, tạo việc làm, hỗ trợ cây con giống,... Hình thức phổ biến nhất là đóng góp xây dựng “Quỹ vì người nghèo” ở 4 cấp, tạo ra nguồn vốn tập trung giúp đỡ người nghèo. Kết quả đã huy động được trên 600 tỷ đồng, giúp cho gần 100 ngàn hộ có nhà tình thương, đồng thời hỗ trợ về vật tư kỹ thuật, giống, cây con cho hàng trăm ngàn hộ nghèo và học sinh, sinh viên con hộ nghèo,...

Hội Nông dân Việt Nam đã xây dựng được nhiều mô hình XDGN, huy động được 100 tỷ đồng, trên cơ sở huy động cộng đồng và lồng ghép nguồn vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó có ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là ngân hàng chính sách xã hội và các doanh nghiệp sản xuất phân bón. Kết quả đã giúp cho 5 triệu lượt hộ được vay vốn, thành lập 250 ngàn tổ vay vốn. Mô hình hộ nông dân sản xuất giỏi giúp hộ nghèo phát triển sản xuất, XDGN; mô hình câu lạc bộ nông dân ở một số xã đặc biệt khó khăn, giúp hộ nghèo cách làm ăn XDGN.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ với nội dung ứng dụng khoa học công nghệ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển ngành nghề, tạo việc làm XDGN. Kết quả đã khai hoang được hàng 100 ngàn ha đất, trong đó có hàng vạn ha đất ngập mặn, đầm lầy, bãi bồi để nuôi trồng thủy sản; cải tạo hàng vạn ha đất vườn tạp thành vườn chuyên canh và thực hiện việc dồn điền đổi thửa để hình thành 87.321 mô hình kinh tế trang trại; 2.387 hội viên cựu chiến binh là chủ doanh nghiệp, 322 tổ hợp tác xã sản xuất với gần 19.600 thành viên tham gia. Tính đến năm 2005 kết quả XDGN của Hội cựu Chiến binh đã giảm số hội viên nghèo từ 32% năm 1992 xuống còn trên 4%, có 3.044 xã phường và 100 quận huyện không còn hội cựu chiến binh nghèo.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phối hợp lồng ghép các chương trình dự án của Hội và các Bộ, ngành để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia XDGN và việc làm đồng thời với việc phát triển Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Thực tế cho thấy phong trào phụ nữ giúp đỡ nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước đã xây dựng được nhiều mô hình “tín dụng tiết kiệm”, với hình thức tự nguyện góp vốn và lồng ghép với nguồn vốn tín dụng của

ngân hàng, ưu tiên cho hộ phụ nữ nghèo vay vốn phát triển sản xuất XDGN... Phong trào “ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo” đã xây dựng được mô hình “cá nhân giúp cá nhân, nhóm tổ chi hội đăng ký giúp đỡ cho hộ phụ nữ nghèo vượt nghèo”. Kết quả là từ năm 2001- 2005, mô hình đã giúp cho ba triệu hội viên được hỗ trợ về vốn và kiến thức làm ăn, trong đó hơn 50% là hộ phụ nữ nghèo, hàng năm có khoảng 7% số hội viên nghèo tham gia mô hình thoát nghèo.

Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh với phong trào thanh niên tình nguyện và phong trào thanh niên lập nghiệp đã hình thành nhiều mô hình XDGN, như mô hình trang trại trẻ, doanh nghiệp trẻ, làng thanh niên, đội thanh niên xung phong tình nguyện tập trung xây dựng kinh tế ở vùng khó khăn. Đặc biệt vào dịp hè hàng năm, đội thanh niên sinh viên tình nguyện về vùng sâu, vùng xa giúp xã nghèo, người nghèo về ngày công xây dựng cơ sở hạ tầng, tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật và các hoạt động văn hóa, xóa đói giảm nghèo.

Kết quả của các mô hình đã thu hút hàng triệu thanh niên tham gia: Mô hình tiết kiệm tích lũy của Trung tâm hỗ trợ Thanh niên Nông thôn đã huy động hơn 250 tỷ đồng với 300 ngàn thanh niên tham gia; mô hình phối hợp dạy nghề cho thanh niên nông thôn phát triển việc làm XDGN, đã huy động được các doanh nghiệp cho vay không lãi để dạy nghề cho thanh niên nông thôn, chuyển giao kỹ thuật với số vốn 562 tỷ đồng, bình quân dạy nghề và tạo việc làm cho khoảng 250 ngàn lao động thanh niên ở nông thôn; mô hình trang trại trẻ có 12 ngàn trang trại, tạo việc làm cho 90 ngàn lao động; Mô hình thanh niên tình nguyện đã thu hút gần 1 vạn thanh niên trí thức về vùng sâu, vùng xa, giúp người nghèo phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, XDGN ở nhiều vùng của Việt nam.

Phân loại các mô hình xóa đói giảm nghèo

Thực tiễn sinh động XDGN trong những thập kỷ qua của đất nước đã xuất hiện nhiều cách làm mới, xây dựng nhiều mô hình XDGN, đưa chủ trương, đường lối, chính sách XDGN của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống, đáp ứng sự mong mỏi của mọi người dân và đã tạo ra được bước đột phá huy động mọi nguồn lực để XDGN một cách bền vững. Có thể phân loại các mô hình theo hai khía cạnh lớn bao gồm các mô hình hướng đến giải quyết vấn đề kinh tế và các mô hình hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội.

Về lĩnh vực phát triển kinh tế, các mô hình XDGN có thể khái quát theo 10 nhóm chủ yếu như sau:

Mô hình phát triển kinh tế hộ từ mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập, an ninh lương thực XĐGN đến phát triển sản xuất theo hệ sinh thái (VAC, VACR... mang tính sản xuất hàng hóa), mô hình được thực hiện và nhân rộng phổ biến với nhiều hình thức phong phú về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tạo mở việc làm phi nông nghiệp ở nông nghiệp, nông thôn

Mô hình kinh tế trang trại phát triển theo hệ sinh thái trên cơ sở phát triển theo thể mạnh sản phẩm hàng hóa đã được xây dựng và ngày càng phát triển, tạo ra những vùng chuyên canh, sản phẩm hàng hóa đặc sản, truyền thống. Mô hình đóng góp phần quan trọng tạo việc làm, tăng thu nhập XĐGN và khả năng vươn lên làm giàu nhanh, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Mô hình phát triển kinh tế tập thể XĐGN, trên cơ sở hình thành các tổ, nhóm hộ giúp đỡ nhau làm ăn phát triển sản xuất, giúp nhau lúc khó khăn “lá lành đùm lá rách” XĐGN, như tổ tín dụng tiết kiệm, tổ hỗ trợ vay vốn, tổ người nghèo giúp nhau làm ăn, mô hình được các tổ chức hội, đoàn thể xây dựng và phát triển rộng rãi với hàng chục triệu hội viên tham gia.

Mô hình phát triển làng nghề truyền thống, xây dựng thương hiệu sản phẩm, mở rộng việc làm, tăng thu nhập, XĐGN và làm giàu, như mô hình liên hoàn nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm ở các xã bãi ngang ven biển, làng nghề thủ công mỹ nghệ, làng nghề khu ven đô, khu công nghiệp,... Mô hình phát triển cộng đồng XĐGN bền vững (mô hình lan tỏa), giải quyết nguyên nhân bức xúc nhất của tình trạng nghèo đói của hộ nghèo, xã nghèo về nhận thức, kiến thức làm ăn để tạo bước đột phá mở đường thực hiện tiếp các giải pháp giải quyết nguyên nhân nghèo đói khác để XĐGN bền vững theo phương thức tự cứu. Mô hình XĐGN ở các xã có đặc điểm đặc thù ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội, XĐGN ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, bãi ngang ven biển, vùng sâu vùng xa ngập sâu mùa nước nổi đồng bằng sông Cửu Long. Với nhiều hình thức thực hiện giải pháp hỗ trợ XĐGN, như hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc vùng cao một mái nhà, một bể nước, một con bò,...; Phát triển ruộng bậc thang an ninh lương thực XĐGN cho đồng bào dân tộc vùng cao; Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến XĐGN xã bãi ngang ven biển; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi gắn với cụm tuyến dân cư vùng ngập sâu mùa nước nổi vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ, xã phát triển vùng nguyên liệu, với nội dung giúp hộ nghèo về vốn, trợ giúp kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, giúp xã nghèo về cơ sở hạ tầng nhỏ phát triển vùng nguyên liệu để XĐGN.

Mô hình trao quyền sở hữu bền vững các công trình cơ sở hạ tầng, với hình thức giao cho hộ đồng bào dân tộc nhận duy tu bảo dưỡng đường bộ ở các tỉnh miền núi góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

Mô hình xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên cộng đồng, cán bộ làm công tác XDGN khuyến nông viên thôn bản “cầm tay chỉ việc” giúp hộ nghèo thoát nghèo. Mô hình khuyến khích hộ nghèo thoát nghèo với hình thức hỗ trợ một phần lãi suất để tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của người nghèo và tiếp tục cho hộ thoát nghèo được hưởng các chính sách: tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục nhằm đảm bảo tính bền vững xóa đói giảm nghèo.

Về lĩnh vực xã hội, các mô hình XDGN thể hiện ở 4 nhóm, bao gồm: Mô hình hỗ trợ người nghèo về nhà ở; Mô hình hỗ trợ người nghèo về y tế; Mô hình hỗ trợ con hộ nghèo về giáo dục; Mô hình bạn giúp bạn, hội giúp hội viên vượt lên số phận, khắc phục khó khăn XDGN. Một số loại mô hình giảm nghèo có hiệu quả đã và đang được triển khai

Để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, các Chương trình giảm nghèo quốc gia đều được thiết kế cùng với một hệ thống cơ chế chính sách xóa đói giảm nghèo khá đồng bộ với nhiều chương trình, dự án thành phần trong đó có dự án xây dựng mô hình XDGN. Mục tiêu chung của dự án là: Xây dựng được nhóm mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ, xã phát triển vùng nguyên liệu và nhóm mô hình XDGN xã đặc thù thuộc các vùng sinh thái, đồng thời rút kinh nghiệm để nhân rộng các mô hình thành công

Nhóm mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ, xã, phát triển vùng nguyên liệu -XDGN (gọi là mô hình liên kết)

Mô hình xây dựng nhằm tạo được sự liên kết giữa người dân và doanh nghiệp từ khi bắt đầu sản xuất tới tiêu thụ sản phẩm. Nội dung và phương thức thực hiện thông qua việc doanh nghiệp hỗ trợ người dân từ khâu cung cấp các yếu tố đầu vào (ứng trước về giống, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất), sơ chế bảo quản đến bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nội vùng (đường giao thông, thủy lợi nhỏ...).

Ngoài ra mô hình liên kết còn nhằm mục tiêu tìm giải pháp hợp lý để xây dựng, củng cố, hoàn thiện mối quan hệ giữa người sản xuất với thị trường tín dụng, thị trường công nghệ, thị trường lao động, thị trường hàng hoá, đồng thời tạo điều kiện giúp các địa phương, doanh nghiệp đẩy nhanh việc quy hoạch với sản xuất, đưa vùng có tiềm năng cây nguyên liệu thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá tập trung, góp phần XDGN nhanh cho vùng, miền có lợi thế.

Nhóm mô hình XĐGN ở xã đặc thù thuộc các vùng sinh thái (gọi là mô hình xã đặc thù).

Mục tiêu chung của nhóm mô hình là nhằm giúp hộ nghèo, xã nghèo lựa chọn được giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao phù hợp với điều kiện thực tế của hộ dân và địa phương để phát triển sản xuất, đồng thời tận dụng được những lợi thế phát triển ngành nghề, mở rộng việc làm, tăng thu nhập, XĐGN bền vững. Nhóm mô hình này được chia nhỏ thành loại mô hình sau:

Đối với miền núi, biên giới, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, tập quán sản xuất lạc hậu, địa hình chia cắt, tỷ lệ hộ nghèo cao, đặc trưng nghèo đói đa dạng, nên cần xây dựng những mô hình XĐGN phù hợp, cụ thể: Đối với các xã chưa đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, cần tập trung hỗ trợ khai thác ruộng bậc thang, chuyển đổi cách thức canh tác nhằm giúp đồng bào dân tộc thiểu số làm quen với phương pháp canh tác lúa nước; phát huy được tiềm năng đất đai hiện có; chuyển cây trồng từ 1 vụ lên 2 vụ để chủ động bảo đảm được lương thực tại chỗ; Đối với các xã có lợi thế về đồng cỏ, tập trung xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, phát triển chăn nuôi đại gia súc với phương pháp chăn dắt, quy mô tập trung để tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hộ, xã; Đối với các xã biên giới, cùng với chủ trương đưa dân ra biên giới để giữ đất, cần có giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế, chống tình trạng di dân tự do vào các tỉnh phía Nam, tập trung xây dựng mô hình XĐGN gắn với an ninh quốc phòng.

Đối với các xã ven biển, có lợi thế nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản, cần hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp với chế biến, đồng thời tận dụng vùng đất cát để phát triển cây trồng vật nuôi phù hợp nhằm đa dạng việc làm, đa dạng thu nhập cho hộ nghèo và nhân dân ở xã bãi ngang ven biển.

Cuối cùng, đối với các xã vùng ngập sâu khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cần hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi nhằm giúp dân thay đổi được giống cây, con mới phù hợp với vùng ngập lũ, hạn chế hậu quả thiên tai; giải quyết việc làm cho hộ nghèo thiếu đất và không có đất sản xuất thay đổi tập quán sống phân tán vào sống trong các cụm tuyến dân cư, ổn định sản xuất và cuộc sống.